Phụ lục 2
Phân vùng môi trường không khí để tiếp nhận các nguồn khí thải công nghiệp trên địa bàn thành phố Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số 113/2026/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai)

Phân vùng môi trường không khí bao gồm 04 vùng như sau:

1. Vùng 01: Áp dụng hệ số vùng (K_v) = 0,6, bao gồm:

a) Rừng đặc dụng, di sản thiên nhiên, di tích lịch sử, văn hóa được xếp hạng, Vườn Quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo vệ cảnh quan; khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học.

b) Khu vực đô thị Biên Hòa, gồm các phường: Biên Hòa, Trấn Biên, Tam Hiệp, Long Bình, Long Hưng, Phước Tân, Tam Phước, Trảng Dài, Hố Nai, Tân Triều.

c) Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có khoảng cách đến ranh giới các khu vực thuộc quy định tại điểm a, điểm b mục này dưới hai (02) km.

2. Vùng 02: Áp dụng hệ số K_v = 0,8, bao gồm:

a) Khu vực các đô thị sau:

Các phường: Bình Lộc, Bảo Vinh, Xuân Lập, Long Khánh, Hàng Gòn, Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom, Dầu Giây, Xuân Lộc, Trị An, Tân Phú; Bình Phước, Đồng Xoài, Chơn Thành, Minh Hưng, An Lộc, Bình Long, Phước Bình, Phước Long, Lộc Ninh, Tân Khai, Đồng Phú.

Các xã: Đại Phước, Phước An, Cẩm Mỹ (phạm vi thị trấn Long Giao cũ), Định Quán (phạm vi thị trấn Định Quán cũ), Thiện Hưng (phạm vi thị trấn Thanh Bình cũ), Bù Đăng (phạm vi thị trấn Đức Phong), Phú Riềng (phạm vi xã Phú Riềng cũ).

b) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có khoảng cách đến ranh giới các khu vực thuộc quy định tại điểm a mục này dưới hai (02) km.

3. Vùng 03: Áp dụng hệ số K_v = 1,0 gồm:

a) Khu vực các đô thị sau:

Xã Cẩm Mỹ (trừ phạm vi thị trấn Long Giao cũ).

Xã Định Quán (trừ phạm vi thị trấn Định Quán cũ).

Xã Thiện Hưng (trừ phạm vi thị trấn Thanh Bình cũ).

Xã Bù Đăng (trừ phạm vi thị trấn Đức Phong cũ).

Xã Nghĩa Trung (phạm vi xã Nghĩa Trung cũ).

Xã Phú Riềng (trừ phạm vi xã Phú Riềng cũ).

b) Các khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã

được cấp có thẩm quyền ban hành quyết định thành lập hoặc phê duyệt quy hoạch. Trường hợp khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp nằm trong khu vực thuộc Vùng 01, Vùng 02 hoặc có khoảng cách đến ranh giới Vùng 01, Vùng 02 nhỏ hơn 02 km thì áp dụng hệ số K_v tương ứng của Vùng 01 hoặc Vùng 02.

c) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ có khoảng cách đến ranh giới các khu vực tại điểm a, điểm b mục này dưới hai (02) km.

d) Vùng 04: Vùng nông thôn áp dụng hệ số $K_v = 1,2$, bao gồm các xã còn lại (trừ những địa bàn thuộc các Vùng 01, 02 và 03).

đ) Vùng 05: Vùng nông thôn - miền núi (khu vực vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào dân tộc thiểu số) áp dụng hệ số $K_v = 1,4$, bao gồm các xã còn lại (trừ những địa bàn thuộc các Vùng 01, 02, 03 và 04).

e) Trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định chuyển đổi loại đô thị, thay đổi địa giới hành chính thì áp dụng hệ số vùng K_V tương ứng với từng vùng theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường hiện hành.

4. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có ranh giới nằm giữa từ 02 vùng trở lên và nhỏ hơn 02 km thì áp dụng khu vực ưu tiên lần lượt theo các Vùng 01, 02, 03, 04 và 05 (hệ số K_V tương ứng: 0,6; 0,8; 1,0; 1,2, 1,4).

5. Hệ số hệ số vùng, khu vực (K_v) và phương pháp tính nồng độ tối đa cho phép của các chất ô nhiễm trong khí thải công nghiệp và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường do cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền ban hành.

6. Việc xác định, tính toán lưu lượng các nguồn khí thải công nghiệp có thể được thực hiện thông qua các nội dung sau:

a) Thủ tục môi trường được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, xác nhận.

b) Số lượng nguồn phát sinh khí thải; thông tin về công nghệ máy móc, thiết bị và công nghệ sản xuất; loại, khối lượng và chất lượng nhiên liệu tiêu thụ; các thông số của nguồn phát thải; đo lưu lượng các nguồn phát thải; kiểm toán chất thải./.